

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/ DS- ST

Ngày: 31/7/2025

*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLST – DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXX – ST, ngày 27/5/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Bá T, sinh năm: 1950

Bà Lê Thị N, sinh năm 1960

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Ông Phạm Duy L, sinh năm 1960

Ông Hà Thị V, sinh năm: 1977

Đều có địa chỉ: Thôn D, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Hà Thị L1, sinh năm 1984

Địa chỉ: A, tổ F, phường K, thành phố Hà Nội.

Ông T, bà N có mặt tại phiên tòa; ông L, bà V, chị L1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Bá T, bà Lê Thị N trình bày:

Năm 2003 gia đình ông có mua của Ủy ban nhân dân xã H một thửa đất ở tại thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ), đến năm 2015 gia đình ông đã xin cấp đổi sổ mới. Ngày 05/3/2015 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số BN492210, số vào sổ cấp GCN CH002833, số 616/QĐ-UBND cho gia đình ông đứng tên bà Lê Thị N, tại thửa số 309, tờ bản đồ số 13, diện tích 172m².

Kể từ khi được giao đất, do gia đình ông chưa có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông cho gia đình ông Phan Duy L2 mượn để trồng rau và làm nơi đốt than. Đến năm 2023 gia đình ông có nhu cầu sử dụng đất, để tránh tình trạng làm nhà sai vị trí thửa đất đã được giao trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã thuê Công ty Cổ phần Đ về đo đạc xác định mốc giới giữa hai hộ ông T và ông L2, kết quả đo đạc xác định gia đình ông L2 đang sử dụng sang phần đất mà gia đình ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 07/3/2024 ông T làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã H tiến hành hòa giải tranh chấp đất của hai gia đình nhưng không thành.

Nay ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V trả lại diện tích đất lấn chiếm cho gia đình ông, bà theo biên bản trích đo của Văn phòng đăng ký đất đai huyện T là 67,9m², buộc gia đình ông L, bà V tháo dỡ mái tôn, những công trình, cây trồng do gia đình ông L, bà V xây dựng, trồng trên phần đất lấn chiếm để trả lại mặt bằng cho gia đình ông T.

* Bị đơn ông Phạm Duy L trình bày:

Gia đình ông không lấn chiếm đất của gia đình ông T, bà N. Đất của gia đình ông đã sử dụng ổn định, lâu dài và không có tranh chấp.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Hà Thị L1 trình bày: Chị có thửa đất số 585, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, thửa đất này chị nhận chuyển nhượng từ ông Lê Quang T1 và vợ là Lê Thị T2. Các bên đã làm thủ tục công chứng chuyển nhượng, hiện hồ sơ đã nộp sang Văn phòng đăng ký đất đai huyện T để chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất nhận chuyển nhượng này.

Nay ông T, bà N khởi kiện ông L và bà V về quyền sử dụng đất thì chị không có liên quan nên chị không biết vì phần diện tích đất này chị nhận chuyển nhượng hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật

* Kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản và kết quả trích đo của Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thể hiện:

+ Hiện trạng gia đình ông Phạm Duy L đang sử dụng sang thửa đất số 309, tờ bản đồ số 13 của gia đình ông Nguyễn Bá T với tổng diện tích 67,9 m²,

+ Phần diện tích đất gia đình ông L còn thiếu là 50,1m², hiện đang do chị Hà Thị L1 sử dụng.

+ Công trình trên phần diện tích đất đang có tranh chấp:

Một phần bán bình mái tôn chống nóng có diện tích 9,5m² x 385.000đ/m²
= 5.790.000đ, giá rị còn lại 30% = 1.097.250đ

Một phần sân bê tông gạch vỡ, láng vữa xi măng cát có diện tích $23,19\text{m}^2 \times 74.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.716.000\text{đ}$, giá trị còn lại $10\% = 171.600\text{đ}$.

Cây trồng trên đất: 03 cây chuối to = 180.000đ ; 4 cây chuối nhỏ = 40.000đ ; 01 cây xanh = 622.000đ ; 01 cây lộc vừng = 340.000đ .

Tại biên bản định giá ngày 19/9/2024, Hội đồng định giá xác định giá đất ở đối với thửa đất là $7.000.000\text{đ}/\text{m}^2$.

*** Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa.**

- Về tố tụng: Quá trình nhận hồ sơ, thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Điều 166, Điều 167, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 235 Bộ luật dân sự

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V

Buộc ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V phải trả lại cho ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N phần diện tích đất lấn chiếm là $67,9\text{m}^2$.

- Về án phí: Buộc ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm của vợ chồng ông. Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai bên đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) hòa giải không thành. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa.

[1.2] Về người tham gia tố tụng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông T, bà N có mặt, ông L, bà V vắng mặt lần thứ 2, chị L1 có đơn xin xét

xử vắng mặt; Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nguồn gốc đất:

- Về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N: Thừa đất số 303, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất tại thôn D, xã H, huyện T (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) của gia đình ông T, bà N có nguồn gốc sử dụng từ năm 2003; Đến ngày 08/10/2008 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 492210, số vào sổ cấp GCNQSD: H00034/QSDĐ/3087/QĐ-UBND đứng tên chủ sử dụng đất là bà Lê Thị N; Ngày 05/3/2015 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN492210, số vào sổ cấp GCN CH002833, số 616/QĐ-UBND cho gia đình ông đứng tên bà Lê Thị N, tại thửa số 309, tờ bản đồ số 13, diện tích 172m²

- Về nguồn gốc thửa đất của gia đình ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V: Ngày 25/01/2003 bà Tạ Thị T3 có đơn xin mua đất ở và nộp tiền đất xin cư theo phiếu thu ngày 28/01/2003; ngày 30/1/2003 tại gia đình bà Tạ Thị T3, anh chị em trong gia đình lập Biên bản họp gia đình thống nhất ông Phạm Duy L được toàn quyền sử dụng thửa đất số 855; Đến ngày 15/02/2003 Ủy ban nhân dân xã H tiến hành giao đất cho bà Tạ Thị T3; Đến ngày 13/3/2018 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK019643, số vào sổ cấp GCN: CH003473 – số 1122/QĐ- UBND đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V, với diện tích được cấp là 193m² đất ở nông thôn.

[3] Xác định diện tích đất tranh chấp:

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Bản trích đo hiện trạng thực tế quá trình sử dụng đất đối với hai hộ ngày 19/9/2024 của Chi nhánh văn phòng Đ, kết quả xem xét thẩm định thể hiện phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa 2 hộ là 67,9m². Các đương sự đều không có ý kiến với kết quả xem xét thẩm định và Bản trích đo hiện trạng của hai hộ đang sử dụng ngày 19/9/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

* Căn cứ vào Tọa độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ; Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và Bản trích đo hiện trạng thực tế hộ ông Nguyễn Bá T và hộ ông Phạm Duy L đang sử dụng của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thể hiện:

- Đất của gia đình ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 13, diện tích 172m² đất ở nông thôn, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN492210, số vào sổ cấp GCN CH002833, số 616/QĐ-UBND ngày 05/3/2015, đứng tên bà Lê Thị N, có chiều

dài, rộng tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất lâm nghiệp có chiều rộng 7,26m; phía Tây giáp đường giao thông có chiều rộng 6,96m; Phía Nam giáp phần đất nhà Hoàng Khắc L3 có chiều dài 25,02m; Phía Bắc giáp phần đất nhà ông Phạm Duy L có chiều dài 20,68 + 4,28m.

Qua kiểm tra đo đạc thực tế: Phía Đông giáp đất lâm nghiệp có chiều rộng 3,16m; phía Tây giáp đường giao thông có chiều rộng 5,56m; Phía Nam giáp phần đất nhà ông Hoàng Khắc L3 có chiều dài 25,02m; Phía Bắc giáp phần đất nhà ông Phạm Duy L có chiều dài 5,4+16,3+3m. Tổng diện tích đo thực tế 104,1m², phần diện tích đất còn thiếu theo giấy chứng nhận của hộ ông Nguyễn Bá T là 67,9m²

- Đất ở hộ ông Phạm Duy L, bà Hà Thị V:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 13, diện tích được cấp là 193m² đất ở nông thôn đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK019643, số vào sổ cấp GCN: CH003473 – số 1122/QĐ- UBND, ngày 13/3/2018, đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V, có chiều dài, rộng tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất lâm nghiệp có chiều rộng 10,51m; phía Tây giáp đường giao thông có chiều rộng 10,48m; Phía Nam giáp đất nhà ông T chiều dài 20,68m; Phía Bắc giáp phần đất chị Hà Thị L1 có chiều dài 18,8m.

Qua kiểm tra đo đạc thực tế: Phía Đông giáp đất lâm nghiệp có chiều rộng 3,4+0,7+3,2+1,9m; phía Tây giáp đường giao thông có chiều rộng 9,9m; Phía Nam giáp phần đất nhà ông T có chiều dài 5,4+16,3+3m; Phía Bắc giáp phần đất của chị Hà Thị L1 và đất lâm nghiệp có chiều dài 9,4++4+2+6+4,2+3m. Phần diện tích đất bị thiếu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Duy L là 50,1m².

* Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo theo tọa độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Bá T và ông Phạm Duy L cho thấy hiện trạng thực tế sử dụng đất của hai hộ có sự sai lệch, không trùng với tọa độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ, cụ thể:

Căn cứ vào tọa độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông L, thì gia đình ông Phạm Duy L đang sử dụng lấn vào phần đất của gia đình ông Nguyễn Bá T với diện tích 67,9m² đất ở, với tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất lâm nghiệp có chiều rộng 3,4m; phía Tây giáp đường giao thông có chiều rộng 1,4m; Phía Nam giáp phần đất nhà ông T có chiều dài 24,7m; Phía Bắc giáp phần đất nhà ông Phạm Duy L có chiều dài 5,9 + 14,8 + 1,5 + 2,8m.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có ý kiến gì với kết quả trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào tọa độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Bá T, bà Lê Thị N và tọa độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Duy L, bà Hà Thị V; Căn cứ vào kết quả trích đo hiện trạng sử dụng đất thực tế của hai hộ nêu trên, có cơ sở để xác định

hộ ông Phạm Duy L, bà Hà Thị V đã lấn chiếm 67,9m² đất ở của gia đình ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N.

Như vậy, có căn cứ đề Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất tranh chấp = 67,9m². Trị giá = 475.300.000đ.

Tại biên bản định giá ngày 19/9/2024 xác định: Công trình trên phần diện tích đất đang có tranh chấp gồm: Một phần bán bình mái tôn chống nóng có diện tích 9,5m² x 385.000đ/m² = 5.790.000đ, giá trị còn lại 30% = 1.097.250đ; Một phần sân bê tông gạch vỡ, láng vữa xi măng cát có diện tích 23,19m² x 74.000đ/m² = 1.716.000đ, giá trị còn lại 10% = 171.600đ; Cây trồng trên đất: 03 cây chuối to = 180.000; 4 cây chuối nhỏ = 40.000đ; 01 cây xanh = 622.000đ; 01 cây lộc vừng = 340.000đ, do đó ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V có trách nhiệm tháo dỡ những công trình xây dựng trên phần diện tích đất đã lấn chiếm của ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N để trả lại mặt bằng cho hộ ông T, bà N.

[5] Theo tọa độ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V thể hiện: 50,1m² đất của gia đình ông L hiện nay do hộ chị Hà Thị L1 đang sử dụng. Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã giải thích để ông L, bà V thực hiện quyền của mình, tuy nhiên ông L, bà V không có đơn yêu cầu Tòa án xem xét đối với phần đất của ông bà bị lấn chiếm nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này mà dành quyền quyền khởi kiện cho ông Phạm Duy L, bà Hà Thị V bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn đề nghị được trả toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và không yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận

Ông Phạm Duy L đã trên 60 tuổi tuy nhiên ông không có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do đó ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 12, Điều 166, Điều 167, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 235 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N về tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V

Buộc ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V trả lại phần diện tích đất lần chiếm là 67,9m², trị giá =475.300.000đ cho ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N.

Mốc giới phần diện tích đất lần chiếm cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất lâm nghiệp có chiều rộng 3,4m (Từ điểm C đến điểm D); phía Tây giáp đường giao thông có chiều rộng 1,4m (Từ điểm A đến điểm B); Phía Nam giáp phần đất nhà ông T có chiều dài 5,4+16,3+3m (từ điểm B đến điểm C); Phía Bắc giáp phần đất nhà ông Phạm Duy L có chiều dài 5,9 + 14,8 + 1,5 + 2,8m (từ điểm A đến điểm D)

(có sơ đồ kèm theo bản án)

2. Buộc ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V phải di dời những cây trồng, tháo dỡ những công trình xây dựng trên phần diện tích đất đã lần chiếm của ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N để trả lại mặt bằng cho ông T, bà N

3. Dành quyền khởi kiện cho ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V đối với phần diện tích của gia đình còn thiếu bằng một vụ án dân sự khác khi ông L và bà V có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Phạm Duy L và bà Hà Thị V phải chịu 23.012.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh hóa;
- VKSND Khu vực 3 – Thanh Hóa;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Lan

